

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN TỪ LIÊM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN TỪ LIÊM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TU LIEM COMMUNICATION AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TU LIEM COMMUNATION CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109450215

**3. Ngày thành lập:** 10/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15 Ngõ 118 Phố Trung Kiên, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972603911

Fax:

Email: *phanhuyplvn@gmail.com*

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ đấu giá hàng hóa)(Loại trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610        |
| 2.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh;<br>- Hoạt động sản xuất phim video;<br>- Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5911        |
| 3.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5912        |
| 4.  | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5913        |
| 5.  | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5914        |
| 6.  | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Loại trừ hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5920        |
| 7.  | Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6022        |
| 8.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201        |
| 9.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6209        |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết:<br>- Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, .... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp;<br>- Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web....;<br>- Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng. | 6311        |
| 12. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6312        |
| 13. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6399        |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310(Chính) |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN VĂN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/03/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001094019658

Ngày cấp: 17/01/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15 Ngõ 118 Phố Trung Kiên, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 15 Ngõ 118 Phố Trung Kiên, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội